Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8506.90.00

Mã HS	8506.90.00
Mô tả hàng hóa	Pin và bộ pin / - Bộ phận
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 21:15:32
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85069000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15088
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15088
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15088
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-BN)	0% (trừ BN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14386
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14327
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14327
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14327
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14327
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14327
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14327
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14381
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14381

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14381
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14381
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14381
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14381
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14382
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14382
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14382
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14382
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14382
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14382
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14385
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14333
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14341
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14341
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14341
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14341
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14341
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14341
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14372
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14372
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14372
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14372
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14372
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14372
VCFTA	2022	2022	5	VC!D14427
VCFTA	2023	2023	5	VC!E14427

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14427
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14427
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14427
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14427
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14404
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14404
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14404
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14404
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14404
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14404
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14404
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14404
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14404
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14404
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14404
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14404
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D14419
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E14419
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F14419
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14419
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14419
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14419
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D14418
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E14418
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F14418
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14418

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14418
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14418
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14411
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14411
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14411
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14411
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14411
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14411
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14411
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14406
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14406
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14406
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14406
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14406
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14406
RCEP B	2022	2022	0	B!D14406
RCEP B	2023	2023	0	B!E14406
RCEP B	2024	2024	0	B!F14406
RCEP B	2025	2025	0	B!G14406
RCEP B	2026	2026	0	B!H14406
RCEP B	2027	2027	0	B!I14406
RCEP C	2022	2022	0	C!D14406
RCEP C	2023	2023	0	C!E14406
RCEP C	2024	2024	0	C!F14406
RCEP C	2025	2025	0	C!G14406
RCEP C	2026	2026	0	C!H14406

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14406
RCEP D	2022	2022	0	D!D14405
RCEP D	2023	2023	0	D!E14405
RCEP D	2024	2024	0	D!F14405
RCEP D	2025	2025	0	D!G14405
RCEP D	2026	2026	0	D!H14405
RCEP D	2027	2027	0	D!I14405
RCEP E	2022	2022	0	E!D14409
RCEP E	2023	2023	0	E!E14409
RCEP E	2024	2024	0	E!F14409
RCEP E	2025	2025	0	E!G14409
RCEP E	2026	2026	0	E!H14409
RCEP E	2027	2027	0	E!I14409
RCEP F	2022	2022	0	F!D14406
RCEP F	2023	2023	0	F!E14406
RCEP F	2024	2024	0	F!F14406
RCEP F	2025	2025	0	F!G14406
RCEP F	2026	2026	0	F!H14406
RCEP F	2027	2027	0	F!I14406
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F13402
VIFTA	2025	2025	4	VI!G13402
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H13402
VIFTA	2027	2027	3	VI!I13402

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8506.90.00 có mã Chương 98 tương ứng 9849.43.90 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - Bộ phận	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8506.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8506.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15088), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.